

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày: 28-09-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm N dân: Ông Nguyễn Văn Biên.

Ông Nguyễn Ngọc Khuê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Thị N, sinh ngày 24/11/1985 tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Phùng Thị D; Có chồng là Nguyễn Văn T và 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự, tiền án: Không. Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/4/2023 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phùng Thị N, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện Hà Trung, T. Thanh Hóa.

2. Anh Phùng Văn N, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị D Thị T, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Tiểu khu Q, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh H Văn D, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Tạ Văn H, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

7. Anh Trần Văn T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn V, xã N, huyện Hà Trung, T.Thanh Hóa.

8. Anh D Văn T, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

9. Anh Hoàng Ngọc N, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Yên S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Ngô Văn P, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Lê Thanh H, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Tống Minh L, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tiểu khu Y, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

6. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ Z khu K, phường Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh T; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/03/2023, Công an huyện Hà Trung tiến hành kiểm tra hiệu cầm đồ “N T” do Trần Thị N làm chủ, phát hiện trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max gắn sim số điện thoại 0868.145.678 của N có nhiều tin nhắn cho vay lãi. Ngày 31/03/2023, N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. N khai nhận: Năm 2011, N đăng ký và mở hiệu cầm đồ “N T”, giấy phép kinh doanh số: 26P81009432 đăng ký lần đầu ngày 15/9/2011 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hà Trung cấp. Trong quá trình kinh doanh, nhận thấy việc cho vay lãi thu lợi cao nên N đã sử dụng nguồn tiền của cá N thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Tùy vào mối quan hệ và hình thức vay mà N đưa ra mức thỏa thuận lãi suất khác nhau. Để quản lý việc cho vay, N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max gắn sim số điện thoại 0868.145.678 (thông qua các ứng dụng tin nhắn, zalo, messenger) với người vay, sau đó người vay sẽ trả tiền lãi bằng hình thức

chuyển khoản vào số tài khoản 50510000304950 của Ngân hàng BIDV, chủ tài khoản mang tên Trần Thị N và số tài khoản 0866545368 của Ngân hàng Vietinbank, chủ tài khoản mang tên Nguyễn Văn T.

Trong thời gian từ 02/2022 đến 31/03/2023, Trần Thị N cho 09 người vay với mức lãi suất 108%/năm, gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 95.176.511đ (Chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm mười một đồng), cụ thể:

1. Ngày 15/02/2022, Trần Thị N cho chị Phùng Thị N, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 5,4 lần. Đến ngày 28/03/2023, thời hạn vay là 407 ngày, chị N đã phải trả số tiền 18.315.000đ (Mười tám triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 3.345.205đ (Ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng), số tiền thu lời bất chính là 14.969.795đ (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng). Chị N đã trả tiền lãi cho N số tiền 17.550.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền gốc, chị N chưa thanh T cho N.

2. Ngày 21/03/2022, Trần Thị N cho anh Phùng Văn N, sinh năm 1982, trú tại thôn X, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,4 lần. Đến ngày 28/03/2023, thời hạn vay là 373 ngày, anh N đã phải trả số tiền 22.380.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 4.087.671đ (Bốn triệu không trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng), số tiền thu lời bất chính là 18.292.329đ (Mười tám triệu hai trăm chín hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng). Anh N đã trả tiền lãi cho N số tiền 16.200.000đ (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền gốc, anh N chưa thanh T cho N.

3. Ngày 18/04/2022, Trần Thị N cho chị Dương Thị T, sinh năm 1986, trú tại tiểu khu Q, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,4 lần. Đến ngày 28/03/2023, thời hạn vay là 345 ngày, chị T đã phải trả số tiền 20.700.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 3.780.821đ (Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi một đồng), số tiền thu lời bất chính là 16.919.179đ (Mười sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng). Chị T đã trả lãi cho N số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền gốc, chị T chưa thanh T cho N.

4. Ngày 30/04/2022, Trần Thị N cho anh Hoàng Văn D, sinh năm 1996, trú tại thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,4 lần. Đến ngày 11/02/2023, thời hạn vay là 288 ngày, anh D đã phải trả số tiền 8.640.000đ (Tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 1.578.082đ (Một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng), số tiền thu lời bất chính là 7.061.918đ (Bảy triệu không trăm sáu mươi một nghìn chín trăm mười tám

đồng). Anh D đã trả lãi cho N số tiền 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền gốc, anh D đã thanh toán cho N.

5. Ngày 10/07/2022, Trần Thị N cho anh Tạ Văn H, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,4 lần. Đến ngày 11/02/2023, thời hạn vay là 217 ngày, anh H đã phải trả số tiền 13.020.000đ (Mười ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 2.378.082đ (Hai triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm tám mươi hai đồng, số tiền thu lời bất chính là 10.641.918đ (Mười triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng). Anh H đã trả lãi cho N số tiền 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền gốc, anh H đã thanh toán cho N.

6. Ngày 31/07/2022, Trần Thị N cho anh Phạm Văn H, sinh năm 1976, trú tại thôn Q, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,4 lần. Đến ngày 28/03/2023, thời hạn vay là 241 ngày, anh H đã phải trả số tiền 21.690.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 3.961.643đ (Ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng), số tiền thu lời bất chính là 17.728.357đ (Mười bảy triệu bảy trăm năm hai mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Anh H đã trả lãi cho N số tiền 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng). Số tiền gốc, anh H đã thanh toán cho N.

7. Ngày 18/01/2023, Trần Thị N cho anh Trần Văn T, sinh năm 1991, trú tại thôn V, xã N, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,4 lần. Đến ngày 28/03/2023, thời hạn vay là 70 ngày, anh T đã phải trả số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 767.123đ (Bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng), số tiền thu lời bất chính là 3.432.877đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng). Anh T đã trả lãi cho chị N số tiền 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền gốc, anh T chưa thanh toán cho N.

8. Ngày 23/01/2023, Trần Thị N cho anh Doãn Văn T, sinh năm 1977, trú tại thôn Q, xã Yên S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,4 lần. Đến ngày 28/03/2023, thời hạn vay là 65 ngày, anh T đã phải trả số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 712.328đ (Bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi tám đồng), số tiền thu lời bất chính là 3.187.672đ (Ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng). Anh T đã trả tiền lãi cho N số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền gốc, anh T chưa thanh toán cho N.

9. Ngày 28/01/2023, Trần Thị N cho anh Hoàng Ngọc N, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, vượt mức

lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,4 lần. Đến ngày 28/03/2023, thời hạn vay là 60 ngày, anh N đã phải trả số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 657.534đ (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng), số tiền thu lời bất chính là 2.942.466đ (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Anh N đã trả lãi cho N số tiền 3.540.000 đồng. Số tiền gốc, anh N đã thanh toán cho N.

Ngoài ra, Trần Thị N còn cho 03 người vay với mức lãi suất từ 42%/năm đến 72%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm), từ 2,1 lần đến 3,6 lần, cụ thể:

Trần Thị N cho anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 2,1 lần của mức lãi cao nhất được quy định trong Bộ Luật Dân sự, đã nhận tiền lãi của anh S số tiền 21.000.000 đồng. Anh S đã trả tiền gốc cho N.

Trần Thị N cho anh Ngô Văn P, Sinh năm 1984, trú tại tiểu khu C, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay số tiền 200.000.000 đồng, vay với mức lãi suất gấp 2,7 lần của mức lãi cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, đã nhận tiền lãi của anh P số tiền 63.000.000 đồng. Anh P cùng N thỏa thuận lại việc trả lãi suất theo lãi Ngân hàng kèm theo tiền gốc từ ngày 15/11/2022.

Trần Thị N cho anh Lê Thanh H, sinh năm 1987, trú tại tiểu khu X, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá vay 02 lần gồm: 20.000.000 đồng ngày 28/10/2022 và 20.000.000 đồng ngày 18/01/2023, vay với mức lãi suất gấp 3,6 lần của mức lãi cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, đã nhận tiền lãi của anh H số tiền 6.400.000 đồng. Anh H chưa trả tiền nợ gốc cho N.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng số máy MLLD3VN/A, số sê ri JCN7RK6MH6, lắp sim số 0868.145.678 của Trần Thị N. Ngày 17/07/2023, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 225/QĐ-CSĐT trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định điện thoại. Tại kết luận giám định số 2822/KL-KTHS ngày 01/8/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Tìm thấy 213 tin nhắn của Apple trong điện thoại gửi giám định;
- Không trích xuất được tin nhắn Zalo trong điện thoại di động gửi giám định do không đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định.
- Toàn bộ tập tin được lưu trữ trong 01 (một) đĩa DVD.

Qua khai thác, các tin nhắn có nội dung liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của Trần Thị N.

Về vật chứng:

Đối với 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng, số máy MLLD3VN/A, số sê ri JCN7RK6MH6, đã qua sử dụng, có gắn sim số điện thoại 0868.145.678 của Trần Thị N được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá để chờ xử lý.

Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen đỏ, mang BKS 36B5-75684 có số khung: 3654GY008667, số máy: JA36E0432375, đã qua sử dụng,

đứng tên sở hữu Tống Minh L trú tại tiểu khu Y, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (Có giấy đăng ký mô tô số 238501) và 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, mang BKS 36F5-13641 có số khung: 5817GY259495, số máy: JF66E0259539, đã qua sử dụng, đứng tên sở hữu Bùi Thị H, trú tại khu Z, phường T, thị xã S, tỉnh Thanh Hoá (Có giấy đăng ký mô tô số 0064330). Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Đối với hành vi Trần Thị N cho 03 người vay gồm: Nguyễn Văn S, Ngô Văn P, Lê Thanh H, với tổng số tiền gốc 290.000.000đ (*Hai trăm chín mươi triệu đồng*) với mức lãi suất trên 20%/năm, nhưng chưa gấp 5 lần mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Hà Trung để xử lý vi phạm hành chính đối với N theo quy định.

Bản Cáo trạng số: 63/CT-VKSHT ngày 15/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá truy tố Trần Thị N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Văn T và Doãn Văn T đã trả toàn bộ số tiền gốc cho bị cáo Trần Thị N; chị Phùng Thị N, anh Phùng Văn N, chị Dương Thị T, anh Hoàng Văn D, anh Tạ Văn H, anh Phạm Văn H, anh Trần Văn T, anh Doãn Văn T và anh Hoàng Ngọc N không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường số tiền bị cáo đã thu lời bất chính từ họ.

Tại phiên tòa, bị cáo N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; Người làm chứng Nguyễn Văn T đã khai báo về các tình tiết, nội dung vụ án như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, hành vi của bị cáo Trần Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị N từ 100.000.000đ đến 120.000.000đ đồng.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

+ Buộc bị cáo Trần Thị N nộp lại sung công quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo là 175.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo nộp lại sung công quỹ Nhà nước số tiền 21.268.489 đồng là tiền lãi thu được tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng số máy MLLD3VN/A, số sê ri JCN7RK6MH6, lắp sim số 0868.145.678 đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Trần Thị N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2022 đến 31/03/2023, Trần Thị N đã thực hiện hành vi cho chị Phùng Thị N, anh Phùng Văn N, chị Dương Thị T, anh Hoàng Văn D, anh Tạ Văn H, anh Phạm Văn H, anh Trần Văn T, anh Doãn Văn T và anh Hoàng Ngọc N vay tiền với lãi suất 3.000đ/ 1.000.000đ/ 1 ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm, gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 95.176.511đ (Chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm mười một đồng) tại hiệu cầm đồ “N T” ở thôn N, xã S, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

[2.2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị N tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện; đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Đây là vụ án “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” có tính chất ít nghiêm trọng do bị cáo Trần Thị N thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn của tài chính nói riêng; và trật tự quản lý về kinh tế của nhà nước nói chung; gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, cần có đường lối xử lý nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo Trần Thị N là người có nhân thân tốt; không có tiền sự, tiền án; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã

ra đầu thú; thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bị cáo đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo N được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ sự phân tích về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Thị N như đã nêu trên, căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, miễn hình phạt bổ sung để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

[6] Về vật chứng: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max là phương tiện phạm tội của bị cáo cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về biện pháp tư pháp: Số tiền do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội là 175.000.000 đồng, và số tiền do bị cáo phạm tội mà có là 21.268.500 đồng (làm tròn số) cần truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 95.176.511 đồng bị cáo thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là: chị Phùng Thị N, anh Phùng Văn N, chị D Thị T, anh H Văn D, anh Tạ Văn H, anh Phạm Văn H, anh Trần Văn T, anh Doãn Văn T và anh Hoàng Ngọc N. Do những người này không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Thị N là người bị kết án nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 46; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết 236/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị N 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro max màu vàng. Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/9/2023 giữa Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Trần Thị N số tiền dùng để cho vay là 175.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 21.268.500 đồng (làm tròn số) để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Án phí: Bị cáo Trần Thị N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL,NV liên quan;
- VKSND H.Hà Trung;
- VKSND T.Thanh Hóa;
- CQĐT CA H.Hà Trung;
- CQTHAHS CA H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh